

Số: /QĐ-UBND-HC

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BKHCHN ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Hành chính công Tỉnh;
- Công TTĐT Tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, D.

CHỦ TỊCH

Phạm Thiện Nghĩa

PHỤ LỤC**Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 990/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh)*

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ			
1.	2.000079	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ
2.	2.002144	Thủ tục đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	1) Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định của tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; 2) Văn bản cho phép ứng dụng của tổ chức, cá nhân chủ trì kết quả thực hiện nhiệm vụ.
3.	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Đơn đăng ký chuyển giao công nghệ;
4.	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường	Văn bản đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

		hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	
5.	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg.
6.	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu 8 tại Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
7.	2.002548	Thủ tục lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo Mẫu 9 tại Phụ lục ban hành kèm Quyết định số 12/2023/QĐ-TTg
8.	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	1) Văn bản đề nghị xác định công nghệ; 2) Chứng thư giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư còn hiệu lực
9.	2.000058	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Đơn đăng ký đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ.

10.	1.004460	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu 6 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN
11.	1.004467	Thủ tục đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Phiếu đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước.
12.	1.004473	Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Mẫu 5 ban hành kèm Phụ lục Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN.
13.	2.000112	Thủ tục đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Giấy đề nghị đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước.
14.	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Giấy đề nghị chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP.
15.	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Giấy đề nghị cấp thay đổi nội dung/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

16.	1.011812	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	1) Đơn đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân theo mẫu BM I.1. 2) Bản cam kết về quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (Đối với trường hợp không có tài liệu chứng minh) theo mẫu BM I.2
17.	1.011815	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Đơn đề nghị Nhà nước mua sáng chế, sáng kiến theo mẫu BM III.1.
18.	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Văn bản đề nghị xác nhận.
19.	1.001786	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (theo mẫu 5 đính kèm Thông tư 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023)
20.	1.001770	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ
21.	1.001747	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.
22.	1.001716	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đăng ký hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ

23.	1.001693	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh (theo mẫu 13 đính kèm);
24.	1.001677	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận hoạt động (theo mẫu 13 đính kèm Thông tư 03/2014/TT-BKHCN)
25.	3.000288	Thủ tục hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp	- Đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài (Mẫu số 1 Phụ lục I đính kèm); - Thuyết minh đề tài (Mẫu số 2 Phụ lục I đính kèm); - Lý lịch khoa học của cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án (Mẫu số 3 Phụ lục I đính kèm); - Bản cam kết (Mẫu số 4 Phụ lục I đính kèm).
26.	3.000287	Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên	- Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 1 Phụ lục II đính kèm); - Thuyết minh nội dung đề nghị hỗ trợ hoàn thiện giải pháp sáng tạo của đối tượng không chuyên (Mẫu số 2 Phụ lục II đính kèm); - Văn bản xác nhận quyền tác giả, đồng tác giả của sản phẩm sáng tạo (nếu có).

27.		Thủ tục xét hỗ trợ đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ	- Đơn đề nghị hỗ trợ (01 bản chính); - Bản sao hợp đồng (tư vấn, chuyển giao công nghệ, giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ); - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bản sao (có chứng thực) các bằng chứng chứng minh kết quả hoạt động đầu tư bao gồm: giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đã được cấp chính thức; quyết định;... - Các chứng từ liên quan đến tài chính.
Lĩnh vực Năng lượng Nguyên tử An toàn bức xạ			
28.	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (01 bản chính)
29.	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Đơn đề nghị bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai thiết bị bức xạ mới theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục III của Nghị định 142/2020/NĐ-CP đối với trường hợp bổ sung thiết bị bức xạ; kèm theo bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp các thông tin như trong phiếu khai báo
30.	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

31.	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1) Đơn đề nghị sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ
32.	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	1) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai báo đối với nhân viên bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ (nếu có thay đổi so với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gần nhất).
33.	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; 2) Phiếu khai báo nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn. 3) Phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế
34.	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ
Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ			
35.	1.003542	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP).
36.	2.001483	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp

			(Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP)
37.	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp
Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng			
38.	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
39.	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Bản công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.
40.	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Bản công bố hợp chuẩn
41.	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Bản công bố hợp chuẩn
42.	2.001268	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Bản công bố hợp chuẩn
43.	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp
44.	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá	Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi,

		sự phù hợp được chỉ định	lĩnh vực được chỉ định.
45.	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định
46.	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia	Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.
47.	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; 2) Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có)
48.	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	1) Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.

